

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-ST

Ngày: 24/7/2020.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

2. Ông Lâm Tấn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2019/TLST-DS, ngày 30 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp Minh Kiên, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Bà Đặng Kiên P, sinh năm 1966.

Nơi ĐKKHKT: Ấp Minh Dũng, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ tạm trú: Ấp Minh Kiên, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 11 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Văn U (sau đây gọi là ông U) trình bày:**

Ngày 23/12/2017 ả ông U có cho bà Đặng Kiên P (sau đây gọi là bà P) mượn

20.000.000 đồng, khi cho mượn không có làm giấy tờ gì, không có thỏa thuận lãi suất. Bà P trả nhiều lần tổng cộng là 1.500.000 đồng.

Nay ôngU yêu cầu bà P trả số tiền còn lại là 18.500.000 đồng, ôngU không yêu cầu tính lãi suất.

### **2. Theo Bị đơn bà Đặng Kiên P trình bày:**

Ngày 26/12/2017 bà P có mượn của ôngU 20.000.000 đồng, khi cho mượn không có làm giấy tờ gì, không có thỏa thuận lãi suất. Bà P trả nhiều lần tổng cộng 18.500.000 đồng (từ ngày 20/9/2018 al đến tháng 10/2019). Khi bà P trả tiền cho ôngU không có làm biên nhận.

Nay bà P đồng ý trả cho ôngU là 1.500.000 đồng.

### **3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm có:**

01 Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 20/6/2018 (photo), 02 bản tự khai, 01 danh sách đề ngày 29/8/2018al nội dung là danh sách trả tiền ký tên Hồ, 01 giấy xác nhận do bà Đặng Kiên P cung cấp đề ngày 15/6/2020, 02 biên bản lấy lời khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ôngU yêu cầu bà P trả 18.500.000 đồng.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà P trả cho ôngU 18.500.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả tiền vay là 18.500.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 23/12/2017 bà P có cho bà P vay không có lãi là 20.000.000 đồng, khi vay hai bên không có làm thành văn bản, không có thỏa thuận lãi suất. Lời trình bày của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định bà P có vay tiền không lãi suất của ôngU là 20.000.000 đồng. ÔngU trình bày bà P trả nhiều lần tổng cộng được 1.500.000 đồng. Nay ôngU yêu cầu bà P trả số tiền còn lại là 18.500.000 đồng, ôngU không yêu cầu tính lãi suất.

Bà P cho rằng, bà P đã trả nợ cho ôngU nhiều lần từ ngày 20/9/2018 al đến tháng 10/2019 nhưng trả không liên tục, trả góp hằng ngày mỗi ngày 200.000 đồng, có khi trả 100.000 đồng được tổng cộng là 18.500.000 đồng. Bà P đồng ý trả cho ôngU số tiền còn lại là 1.500.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 19/02/2020 bà P cho rằng bà có danh sách theo dõi việc trả nợ cho ôngU nhưng ôngU không có ký tên, ngày 24/4/2020 Tòa án ra quyết định yêu cầu bà P cung cấp tài liệu, chứng

cứ bà P trả nợ cho ông U nhưng bà P không cung cấp cho Tòa án. Bà P không có chứng cứ gì chứng minh là bà P đã trả cho ông U số tiền 18.500.000 đồng căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX không có cơ sở chấp nhận.

[2]. Xét về lãi suất: Nguyên đơn ông U không yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX không xem xét.

[3] . Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu tiền án phí là 18.500.000 đồng x 5% = 925.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn U số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 460.000 đồng theo biên lai thu số 0003161, ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2, 4 Điều 91, Điều 92, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn U đối với bị đơn bà Đặng Kiên P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Đặng Kiên P trả cho ông Nguyễn Văn U tổng số tiền vay gốc còn lại là 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đặng Kiên P phải chịu tiền án phí là 925.000 đồng (chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn U số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 460.000 đồng (bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003161, ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9*

*Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm Loan**